

CHƯƠNG III

NỘI DUNG THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ MỚI

Như trên đã phân tích, trong khung cảnh một thế giới mới có nhiều đổi thay trên mọi lãnh vực của đời sống xã hội, những sự đổi thay này xuất phát từ hai nguyên nhân chủ quan (kinh tế, tài chánh suy thoái) và khách quan (cách mạng điện tử). Chính hai nguyên nhân này đã hình thành nội dung thế chiến lược quốc tế mới của các cường quốc cực, thể hiện qua hai mối quan hệ:

A. QUAN HỆ GIÀU-GIÀU:

Từ một thế giới lưỡng cực có mâu thuẫn đối kháng đã chuyển biến thành một thế giới đa cực có mâu thuẫn không đối kháng (cạnh tranh song cùng tồn tại, không có tính một mất một còn), các nước giàu nỗ lực chấm dứt các hình thái của cuộc chiến tranh ý thức hệ (chiến tranh lạnh giữa hai khối, chiến tranh nóng nơi các nước nghèo). Các nước giàu như có chung được một mục tiêu cùng nhau thiết lập một nền trật tự quốc tế mới hay là một hệ thống kinh tế thế giới mới, trong đó các bên cùng tồn tại hoà bình và cùng có lợi.

B. QUAN HỆ GIÀU-NGHÈO:

Các nước giàu tỏ ra thực tâm muốn đưa các nước nghèo đi vào thế ổn định để phát triển, chấm dứt các cuộc chiến tranh nóng tại các nước nghèo bằng sự triệt tiêu các nhân tố chiến lược cũ (bất ổn, nội loạn và chiến tranh), thiết lập các nhân tố chiến lược mới (hoà bình, ổn định và trung lập). Trong điều kiện này, muốn nhận được sự trợ giúp, các nước nghèo phải nằm trong một quỹ đạo nhất định tùy theo vùng ảnh hưởng do các cực cường phân định. Các nước giàu như có sự hợp tác giúp các nước nghèo phát triển dưới hình thức đa phương hoặc song phương, mà đa phương là chủ yếu. Nghĩa là tập thể các nước giàu giúp tập thể các nước nghèo (khác với tính độc quyền song phương trong chiến lược cũ). Để bảo đảm mục tiêu và tiến trình thực hiện chiến lược mới các cường quốc như có chung nỗ lực thúc ép các nước nghèo sớm đi vào ổn định để phát triển.

Trên thực tế tình hình diễn biến ra sao?

Như đã trình bày, sau thế chiến thứ hai đã hình thành một thế giới lưỡng cực, với hai trung tâm quyền lực Mỹ-Nga. Nhưng hai mươi năm sau chiến tranh, nhiều nước cực cường đã phục hồi nhanh chóng, đe dọa đến ngôi vị bá chủ của hai cực cường Mỹ-Nga.

Trong khối tư bản người ta thấy xuất hiện ở châu Á một nước Nhật cường thịnh, ở châu Âu một nước Cộng hoà Liên bang Đức phát triển nhanh chóng bên cạnh sự phục hồi đi đến cường thịnh của các cực cường Anh, Pháp, Ý, Gia Nã Đại. Trong khi đó khối xã hội chủ nghĩa cũng xuất hiện một Trung Quốc không giàu nhưng đủ mạnh để có thể tách ra khỏi quyền lãnh đạo của Liên Xô, và ở Đông Âu một nước Cộng hoà Dân chủ Đức được

coi là cường quốc xã hội chủ nghĩa sau Liên Xô, có khả năng cạnh tranh với Liên Xô về mặt kinh tế. Chính chiều hướng phát triển trên đã chuyển biến tình hình thế giới từ lưỡng cực sang đa cực.

Để tiến tới một nền trật tự thế giới mới cả hai khối đều thể hiện quyết tâm đẩy lùi các hình thái của cuộc chiến tranh ý thức hệ thể hiện qua nhiều sự kiện cụ thể. Sự kiện bắt đầu từ những năm đầu thập niên 1960 khi Mỹ đưa ra chính sách sống chung hoà bình, được Liên Xô tán đồng, mở ra thời kỳ của sự hoà hoãn. Nội dung quan trọng của hoà hoãn là các bên cùng từ bỏ chính sách đối đầu gây căng thẳng, từ bỏ dùng bạo lực và đe dọa dùng bạo lực, cùng cố sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau, giải quyết các cuộc tranh chấp và xung đột bằng con đường thương lượng, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng chủ quyền các nước, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi.

Kết quả trên thực tế, thời kỳ hoà hoãn đã dẫn tới việc ký kết các hiệp định về đường ranh giới sau chiến tranh ở châu Âu. Trong quan hệ song phương giữa hai siêu cường Mỹ-Nga đã thành đạt được các hiệp ước hạn chế vũ khí tấn công chiến lược SALT (1972), SALT 2 (1979), được ký kết tại Vienne. Dựa trên các thoả thuận đạt được tại hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Nga ở Vladivostok ngày 20-6-1982, Mỹ-Nga bắt đầu các cuộc hội đàm ở Genève về hạn chế và tài giảm vũ khí chiến lược, tiếp đến các sự kiện có ý nghĩa khác sau đó cho đến khi Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu sụp đổ (1989). Hình thái chiến tranh lạnh đã chấm dứt cùng lúc các cuộc chiến tranh nóng cục bộ lần lượt đi đến kết thúc như chiến tranh Việt Nam, chiến tranh Lào, chiến tranh Cam Bốt (1975),

nội chiến Nicaragua (1991), chiến tranh vùng Trung Đông, chiến tranh chủng tộc, giải phóng ở Nam Phi và các cuộc chiến tranh khác cũng đi vào chiều hướng kết thúc. Một kỷ nguyên hoà bình, hợp tác, phát triển như được mở ra sau khi các chính quyền cực hữu và cực tả ở các vị trí đối đầu tranh chấp lần lượt bị triệt tiêu cách này hay cách khác, hình thành thế ổn định và hoà giải hoà hợp trong lòng mỗi dân tộc, thế trung lập không liên kết trong mỗi khu vực. Để phù hợp với tình hình mới, các tổ chức liên minh quân sự vùng trong chiến lược cũ được thay thế bằng các tổ chức phát triển kinh tế vùng. Chẳng hạn, Liên minh Phòng thủ Đông Nam Á (1954) được thay thế bằng Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Ngân hàng Phát triển Á Châu (1966). Trong khi đó tại Trung Đông, các hiệp định hoà bình cũng lần lượt được ký kết. Hiệp định David giữa Ai Cập và Do Thái (1978), Hiệp định hợp tác của các nước Ả Rập vùng vịnh Ba Tư (1981), cuộc chiến tranh vùng Vịnh đã nổ ra và được dập tắt nhanh chóng (1991), và mới đây nhất đã thành đạt Hiệp ước Hoà bình giữa Do Thái và Palestine (9/93). Tại châu Phi, người ta chú ý đến các cuộc nội chiến tàn lụi dần ở Angola, Mozambique, và Nam Phi, nhường chỗ cho các tổ chức phát triển kinh tế khu vực như Cộng đồng Kinh tế Đông Phi (1967), Cộng đồng Kinh tế Tây Phi (1972) . . . Tại châu Mỹ La-tinh, các tổ chức hợp tác kinh tế vùng hình thành song song với các nỗ lực đẩy lui các cuộc xung đột vũ trang ở Bolivia, Guatemala. Chẳng hạn sự ra đời của Hệ thống Kinh tế Mỹ La-tinh (1975), Hiệp hội Liên Kết Mỹ La-tinh (1981) . . .

Tất cả những sự kiện kể trên cho thấy, đã đến lúc các nước giàu tỏ ra thực tâm muốn giúp các nước nghèo đi

vào ổn định để phát triển. Tuy nhiên, muốn nhận được sự trợ giúp, ngoài yếu tố ổn định, các nước nghèo dường như còn phải đi vào đúng quỹ đạo đã như được phân định bởi các nước giàu. Đòi hỏi này phù hợp với tính đa phương của sự trợ giúp, một đặc điểm của chiến lược quốc tế mới khác với tính song phương trong chiến lược cũ. Chẳng hạn trước đây Hoa Kỳ giúp Việt Nam Cộng Hoà ở miền Nam, Liên Xô giúp Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ở miền Bắc Việt Nam. . .

Hiện nay trong chiến lược mới, Việt Nam chỉ có thể nhận được sự trợ giúp tập thể để phát triển khi đã nằm trong quỹ đạo của một tổ chức phát triển vùng, tỷ như Hiệp hội Các Quốc gia Đông Nam Á. Trong điều kiện này Việt Nam có thể nhận được trợ giúp phát triển dưới nhiều hình thức của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế Giới (World Bank) giúp Việt Nam, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Cộng đồng Chung Châu Âu (CEE), Liên Hiệp Quốc tài trợ cho Việt Nam. . . Trợ giúp đa phương là tính chất chủ yếu trong chiến lược mới song bên cạnh vẫn có sự hợp tác song phương mờ nhạt. Chính sự trợ giúp đa phương đã che đậy được tính thực dân trong mối quan hệ. Sự nguy trang khôn khéo này đã nâng chủ nghĩa thực dân lên một trình độ tinh vi hơn, nên có thể gọi đây là hình thái của chủ nghĩa siêu thực dân (super-colonism). Trong hình thái thực dân này các nước nghèo lệ thuộc có nhiều thuận lợi hơn sự lệ thuộc trong chủ nghĩa thực dân mới trước đây. Mặc dầu vẫn là đối tượng khai thác và là bàn đạp cho các nước giàu phát triển, nhưng trên cơ sở hai bên đều có lợi, chỉ có bên lợi nhiều (nước giàu), bên lợi ít (nước nghèo). Dầu sao đây cũng là cơ hội thuận lợi cho các nước nghèo có điều kiện vươn lên trong khung cảnh một sự hợp tác giàu nghèo với

một hào ý bất đắc dĩ. Trên thực tế người ta đã cố vũ cho các quan hệ hợp tác Bắc-Nam và Nam-Nam.

Quan hệ Bắc-Nam là mối quan hệ giữa các nước tư bản phát triển (phần nhiều ở Bắc bán cầu) với các nước mới giành độc lập (phần nhiều ở Nam bán cầu). Vấn đề hợp tác được đặt ra tại Hội nghị Paris về hợp tác kinh tế quốc tế diễn ra từ tháng 12-1975 đến tháng 6-1977. Hội nghị này với tên gọi không chính thức là “cuộc đối thoại Bắc Nam” đã diễn ra cuộc gặp gỡ giữa đại diện 27 nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển. Trong cuộc đối thoại này, các nước đang phát triển đã yêu cầu thiết lập “Một Nền Trật tự Kinh tế Quốc tế Mới” nhằm củng cố vị trí của mình trong quan hệ kinh tế thế giới. Trong khi các nước giàu chỉ đưa ra một số nhượng bộ ở mức thấp nhất cho các yêu cầu của các nước nghèo. Nhưng sự nhượng bộ này bị ràng buộc bởi chính sách bảo vệ mậu dịch nâng giá hàng công nghiệp, giảm giá nguyên liệu nhập cảng làm cho các nước nghèo thiệt hại nhiều hơn là có lợi.

Quan hệ Nam-Nam là xu thế phát triển mạnh sau thất bại của cuộc Hội nghị quốc tế ở Mê Tây Cơ (1981) bàn về sự hợp tác và phát triển của tám nước tư bản phát triển và 14 nước đang phát triển mới giành độc lập trong khuôn khổ của cuộc đối thoại Nam-Nam. Xu thế đối thoại này mang ý nghĩa xây dựng sự hợp tác kinh tế chặt chẽ giữa các nước đang phát triển, với mục đích trợ giúp nhau xây dựng và phát triển đất nước, liên kết chống lại chính sách bóc lột của các nước đế quốc, nhằm thiết lập một nền trật tự kinh tế thế giới mới. Sự kiện quan trọng đánh dấu sự phát triển đối thoại Nam-Nam là cuộc gặp gỡ của đại diện 44 nước đang phát triển ở Tân Đề Li

(New Dehli) năm 1982. Hội nghị này có mục đích chính là trao đổi ý kiến về quan hệ kinh tế quốc tế và những vấn đề mà các nước nghèo cùng quan tâm. Đó là vấn đề hợp tác trong lãnh vực sản xuất lương thực, năng lượng, thương mại và tài chính. Hội nghị này đã phản ánh quyết tâm của các nước nghèo cùng nhau kiến tạo một quan hệ quốc tế mới trên cơ sở công bằng và bình đẳng hơn. Kể từ sau Hội nghị này đến nay, nhiều hội nghị quốc tế cấp toàn cầu và cấp vùng giữa các nước giàu-nghèo đã diễn ra, thể hiện nỗ lực chung để cùng xây dựng một nền trật tự kinh tế quốc tế mới. Điển hình có thể kể Hội nghị Thượng đỉnh 15 nước châu Á Thái Bình Dương họp tại Seattle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ, vào tháng 11/1993. Các thành viên tham dự Hội nghị quốc tế này thuộc tổ chức “Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương” gọi tắt là APEC (Asia - Pacific Economic Cooperation) được thành lập từ năm 1989, do sáng kiến của Úc Đại Lợi. Hiện nay APEC đã có 18 thành viên gồm 6 nước trong khối ASEAN (Mã Lai Á, Thái Lan, Tân Gia Ba, Nam Dương, Phi Luật Tân và Miến Điện), 3 nước góc Trung Hoa (Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông), Úc, Tân Tây Lan, Nhật Bản, Nam Hàn, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Chí Lợi, Mễ Tây Cơ, và Papua, New Guinea. Mới đây, vào trung tuần tháng 11/94, Hội nghị APEC đã diễn ra tại Nam Dương cùng lúc với Hội nghị quốc tế tại Paris do Ngân hàng Thế giới (WB) tổ chức và đã chuẩn chấp viện trợ cho Việt Nam ngân khoản 2 tỉ đô-la dùng vào việc đầu tư phát triển. Ngoài ra, trước đó vào tháng 7/94, hai hội nghị quốc tế đã diễn ra tại Vọng Các, Thái Lan: Hội nghị sáu quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Hội nghị Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) với sự tham dự của khối

các nước ASEAN, Hoa Kỳ, Cộng đồng Chung Âu Châu, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga và Việt Nam. Điều đáng quan tâm là trong cuộc hội nghị khối ASEAN, đã quyết định nhận Việt Nam trên nguyên tắc là thành viên thứ bảy của tổ chức phát triển kinh tế vùng này. Trên thực tế, Việt Nam sẽ được coi là hội viên chính thức của ASEAN vào mùa Hè năm 1995.

Nhìn chung, như vậy là các nước nghèo cũng đang có những nỗ lực cần thiết để tìm một cơ may thoát cảnh nghèo nàn lạc hậu trong chiều hướng của thế chiến lược quốc tế mới mà các nước giàu đang cố thực hiện.